

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 414/TTr-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp phí: Các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ có phương tiện vận tải chở hàng hóa ra, vào khu vực cửa khẩu sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu.

2. Tổ chức thu phí: Trung tâm quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng khu kinh tế trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cao Bằng.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Mức thu phí

Mức thu Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng tại Phụ lục kèm theo.

Điều 4. Khai, thu, nộp phí

1. Người nộp phí thực hiện khai, nộp phí theo từng lần phát sinh và nộp phí bằng tiền mặt hoặc hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí của tổ chức thu phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước theo quy định.

2. Định kỳ hằng ngày tổ chức thu phí thực hiện nộp toàn bộ số tiền phí thu được trong ngày, bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước (*đối với ngày lễ, tết, ngày nghỉ theo chế độ quy định thì nộp vào ngày làm việc tiếp theo*).

Tổ chức thu phí thực hiện khai số tiền phí thu được của tháng trước theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp số tiền phí còn phải nộp từ tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước vào ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 20 hằng tháng.

3. Hằng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán số tiền phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (*nếu có*).

Điều 5. Quản lý và sử dụng phí

1. Quản lý phí

Tổ chức thu phí được để lại 50% (năm mươi phần trăm) trong tổng số tiền phí thu được, số còn lại 50% (năm mươi phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Sử dụng phí để lại

a) Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí để trang trải chi phí hoạt động thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

b) Chi sửa chữa, duy trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong khu vực cửa khẩu và các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh triển khai thực hiện.

3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí; Luật Quản lý thuế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đối với các phương tiện sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 41 (chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 02 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bé Thanh Tịnh

Phụ lục
MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG, CÔNG
TRÌNH DỊCH VỤ, TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG TRONG KHU VỰC CỬA
KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND, ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu
I	Phương tiện chở hàng hóa theo các loại hình: tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh, hàng hóa nước ngoài gửi kho ngoại quan		
1	Phương tiện vận tải hàng hóa là container loại 40feet	đồng/container	4.000.000
2	Phương tiện vận tải hàng hóa là container loại 20feet	đồng/container	2.800.000
3	Phương tiện vận tải hàng hóa không phải là container	đồng/tấn	160.000
II	Phương tiện vận tải hàng hóa khác vào khu vực cửa khẩu		
1	<i>Phương tiện chở hàng hóa theo loại hình: gia công, sản xuất xuất khẩu, chuyển khẩu</i>		
a	Phương tiện vận tải hàng hóa là container loại 40feet	đồng/container	1.600.000
b	Phương tiện vận tải hàng hóa là container loại 20feet	đồng/container	1.120.000
c	Phương tiện vận tải hàng hóa không phải là container	đồng/tấn	80.000
2	<i>Phương tiện chở hàng hóa theo loại hình: xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh và các loại hình khác</i>		
a	Phương tiện vận tải hàng hóa là container loại 40feet	đồng/container	640.000
b	Phương tiện vận tải hàng hóa là container loại 20feet	đồng/container	400.000
c	Phương tiện vận tải hàng hóa không phải là container	đồng/tấn	20.000
III	Đối với trường hợp trên cùng một phương tiện vận tải mà có nhiều loại hình hàng hóa khác nhau ghép chung trong cùng một container, khi nộp phí thì căn cứ tờ khai theo quy định hiện hành, nếu loại hình nào có trị giá khai báo hải quan đối với hàng hóa cao hơn thì áp dụng mức thu phí theo loại hình đó		

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu
IV	Đối với lô hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu, hàng quá cảnh, hàng qua kho ngoại quan mà doanh nghiệp đã nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng (thu đối với phương tiện ra vào cửa khẩu), công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong khu vực cửa khẩu vào ngân sách nhà nước tỉnh Cao Bằng nhưng không xuất được hàng hóa qua các cửa khẩu, điểm thông quan, điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu tại điểm thu phí phải chuyển địa điểm xuất thực hiện như sau:		
1	Các điểm xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: không phải nộp phí bổ sung		
2	Các điểm xuất ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng: không thực hiện hoàn trả phí đã nộp.		

(Trọng tải phương tiện vận tải: căn cứ trọng tải phương tiện ghi trên tờ khai hải quan của người xuất, nhập khẩu; Trường hợp tờ khai hải quan của người xuất, nhập khẩu không ghi trọng tải xe thì căn cứ trọng tải phương tiện ghi trên giấy chứng nhận kiểm định).